Phụ lục 01

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS và miền núi

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 28 /10/2026 của HĐND xã Sơn Tây Hạ)

TT	TÊN DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Đầu mối giao kế hoạch	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư					Kế hoạch trung hạn 2026-2030				Kế hoạch vốn 2026				Ghi chú
						QĐ đầu tư	Tổng vốn	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
								NSTW	NS tỉnh	NS xã		NSTW	Dự kiến vốn đối ứng NS tỉnh	NS xã		NSTW	Dự kiến vốn đối ứng NS tỉnh	NS xã	
1	2		3	4	5		7	8	9		10	11	12		10	11	12		13
	VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2026-2030	**UBND xã Sơn Tây Hạ**					**11.000,000**	**8.500,000**	**1.512,000**	**988,000**	**11.000,000**	**8.500,000**	**1.512,000**	**988,000**	**4.726,000**	**3.635,000**	**565,000**	**526,000**	
A	**HỢP PHẦN THỨ NHẤT: CÁC NỘI DUNG CHUNG THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN**																		
	Nội dung 04: Đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn phục vụ dân sinh và sản xuất theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư, nâng cấp cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo. Khuyến khích phát triển nguồn năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió…) phù hợp điều kiện vùng, miền, hướng tới hạ tầng điện thông minh và phát triển bền vững						**4.000,000**	**3.100,000**	**540,000**	**360,000**	**4.000,000**	**3.100,000**	**540,000**	**360,000**	**100,000**	**100,000**	-	-	
1	Đường điện 0,4Kv xóm ông Xoa, thôn Xà Ruông		Trung tâm cung ứng DVC	xã Sơn Tây Hạ	2026-2027		2.000,000	1.550,000	270,000	180,000	2.000,000	1.550,000	270,000	180,000	50,000	50,000			Chuẩn bị đầu tư
2	Đường điện 0,4KV khu dân cư số 5, thôn Tà Ngàm		Trung tâm cung ứng DVC	xã Sơn Tây Hạ	2026-2027		2.000,000	1.550,000	270,000	180,000	2.000,000	1.550,000	270,000	180,000	50,000	50,000			"
B	**HỢP PHẦN THỨ HAI: CÁC NỘI DUNG ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**						**7.000,000**	**5.400,000**	**972,000**	**628,000**	**7.000,000**	**5.400,000**	**972,000**	**628,000**	**4.626,000**	**3.535,000**	**565,000**	**526,000**	
	Nội dung 04: Đầu tư xây dựng, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao và đầu tư trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN; phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị các công trình kiến trúc tiêu biểu của các DTTS; tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS; xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái vùng đồng bào DTTS; bảo tồn không gian văn hóa làng, bản, buôn truyền thống của các DTTS gắn với phát triển du lịch cộng đồng																		
3	Khu trung tâm văn hóa, thể dục, thể thao xã Sơn Tây Hạ		Trung tâm cung ứng DVC	xã Sơn Tây Hạ	2026-2027		7.000,000	5.400,000	972,000	628,000	7.000,000	5.400,000	972,000	628,000	4.626,000	3.535,000	565,000	526,000	

Phụ lục 02

Kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS và miền núi năm 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2026 của HĐND xã Sơn Tây Hạ)

TT	NỘI DUNG THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH	Đơn vị thực hiện	Trong đó				Ghi chú
			Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
	TỔNG CỘNG (A+B)		**1.502,000**	**1.157,000**	**251,000**	**94,000**	
A	**HỢP PHẦN THỨ NHẤT**		**1.272,000**	**980,000**	**212,000**	**80,000**	
I	**Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường**		**1.272,000**	**980,000**	**212,000**	**80,000**	
1	**Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường; thí điểm cơ chế tín dụng vi mô, bảo hiểm nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và duy trì bền vững.**		**1.272,000**	**980,000**	**212,000**	**80,000**	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất (Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng Chăn nuôi bò cái nội sinh sản)	Trung tâm Cung ứng DVC	792,000	610,000	132,000	50,000	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp (Hỗ trợ phát triển sản xuất trồng trọt cây lúa nước)	Trung tâm Cung ứng DVC	480,000	370,000	80,000	30,000	
B	**HỢP PHẦN THỨ HAI:**		**200,000**	**154,000**	**34,000**	**12,000**	
	Nội dung thành phần 02: Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		**200,000**	**154,000**	**34,000**	**12,000**	
	Nội dung 06 : Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các các đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Phòng VH-XH	200,000	154,000	34,000	12,000	
C	**Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình**		**30,000**	**23,000**	**5,000**	**2,000**	
	Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình	Ủy ban Mặt trận TQVN xã	30,000	23,000	5,000	2,000	